

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ III - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP CĐ.CNO 06

STT	Họ và tên	Năm sinh	3 BD&SC HTPPK	5 BD&SC TK-TT	3 TH MB CB	5 TBD	3 BD&SC BT&LM	3 BD&SC ĐCX	22 TB Học kì	Xếp loại học lực	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
1	Đặng Văn Ân	01/01/1996	7.9	7.8	6.3	7.2	7.9	6.7	7.3	Khá	Tốt	
2	Trần Quốc Cường	01/01/1996	7.9	7.8	7.4	7.6	7.9	6.9	7.6	Khá	Tốt	
3	Trần Quốc Cường	10/7/1998	7.4	6.8	6.5	7.0	7.4	7.1	7.0	Khá	Tốt	
4	Đỗ Hải Đăng	02/9/1998	7.2	5.8	6.2	5.8	7.2	6.8	6.4	TB Khá	Khá	
5	Nguyễn Vũ Đình	03/4/1997	7.7	7.2	7.6	6.8	7.7	7.0	7.3	Khá	Tốt	
6	Trịnh Quốc Khanh	01/01/1997	8.1	6.2	7.1	6.8	8.1	7.1	7.1	Khá	Tốt	
7	Vũ Bá Nghiệp	28/12/1998	7.6	6.4	6.5	6.2	7.6	7.5	6.9	TB Khá	Khá	
8	Trịnh Xuân Ngự	18/11/1996	7.5	7.0	7.4	6.8	7.5	7.3	7.2	Khá	Tốt	
9	Võ Văn Phúc	26/4/1998	7.5	6.8	6.5	7.0	7.5	7.5	7.1	Khá	Tốt	
10	Lâm Thanh Phụng	08/8/1998	8.0	6.8	6.9	7.1	8.0	7.3	7.3	Khá	Tốt	
11	Lâm Đại Quang	01/10/1995	4.5	6.2	7.4	6.3	4.5	6.8	6.0	TB Khá	Khá	*
12	Danh Khe Ma Ra	08/12/1998	7.6	6.4	7.7	6.2	7.6	0.0	6.0	TB Khá	Khá	*
13	Hương Thanh Sơn	09/12/1997	7.5	7.6	7.2	7.2	7.5	7.9	7.5	Khá	Tốt	
14	Thạch Bé Thanh	23/4/1997	7.3	7.0	5.7	6.8	6.7	7.2	6.8	TB Khá	Tốt	
15	Châu Toàn Trung	24/10/1995	8.4	7.2	7.4	6.8	8.4	7.6	7.5	Khá	Tốt	
16	Lê Vũ Trường	07/5/1996	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Kém	Yếu	*
17	Huỳnh Thanh Tường	09/01/1998	7.7	7.8	6.4	7.4	7.7	7.9	7.5	Khá	Tốt	

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	17 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	0 hs	Chiếm	0.0%
Khá	11 hs	Chiếm	64.7%
Trung bình khá	5 hs	Chiếm	29.4%
Trung bình	0 hs	Chiếm	0.0%
Yếu	0 hs	Chiếm	0.0%
Kém	1 hs	Chiếm	5.9%

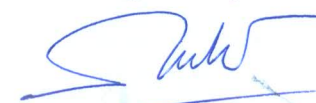
Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Phòng Đào Tạo



Phạm Văn Anh